

Bản án số: 24 /2019/ HS-ST
Ngày: 26/ 4/ 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Phạm Thị Mai và bà Hoàng Thị Kim Thi.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/ QĐXXST- HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn T - Sinh năm 1985 (có tên gọi khác Lê Văn C), nơi sinh: Tại Ninh Bình; nơi cư trú: Phố Bắc S, phường Bích Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Đinh Thị S; có vợ: Chị Nguyễn Kim A và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh 2017; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Tại Bản án số 24/2013/HSST ngày 25/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh và Bản án số 06/2013/HSPT ngày 19/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt Lê Văn T 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại Bản án số 28/2013/HSST ngày 30/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh xử phạt Lê Văn T 18 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 19/7/2016, Lê Văn T chấp hành xong hình phạt tù theo Quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án.

Về nhân thân: Tại Bản án số 199/2005/HSST ngày 22/12/2005, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xử phạt Lê Văn T 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (đã xóa án tích).

Ngày 25/8/2012 Công an huyện Yên Khánh ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích (đã hết thời hiệu thi hành).

Bị tạm giữ từ ngày 21/10/2018, sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Lê Thanh T1 - Sinh năm 1992; nơi sinh: Tại Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Phú S, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công B và bà Trịnh Thị H ; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Tại Bản án số 27/2015/HSST ngày 19/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 02/02/2016, Lê Thanh T1 chấp hành xong hình phạt.

- Tại Bản án số 27/2016/HSST ngày 16/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, thuộc trường hợp “Tái phạm”. Ngày 14/12/2016, Lê Thanh T1 chấp hành xong hình phạt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình đến nay; có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C):** Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1979 - Là vợ của bị cáo; trú tại: Số nhà 17, phố Bắc S, phường Bích Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C):**

+ Ông Phạm Đức Hiền- Luật sư của văn Phòng luật sư Đức Hiền, thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình cử; có mặt.

+ Bà Ninh Thị Hà - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình cử; vắng mặt có lý do và đã gửi trước bài bào chữa đối với bị cáo Lê Văn T.

- **Người bị hại:**

+ Ông Lê Xuân Y; sinh năm 1964; trú tại: Thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Chị Trịnh Thị H; sinh năm 1987; trú tại: Thôn Yên C3, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Phạm Văn H; sinh năm 1996; trú tại: Xóm T 2, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

+ Anh Bùi Mạnh H; sinh năm 1973; trú tại: Thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Bùi Văn B; sinh năm 1984; trú tại: Thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị N; sinh năm 1987; trú tại: Thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tuấn K; sinh năm 1989; trú tại: Xóm 2, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2017, Lê Văn T và chị Trịnh Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn Yên C 3, xã Khánh C, huyện Yên Khánh thuê 01 phòng trọ tại khu nhà trọ của gia đình ông Lê Xuân Y, sinh năm 1964 ở thôn Phú B, xã Khánh P, huyện Yên Khánh để ở, chung sống với nhau như vợ chồng. Tối ngày 10/5/2018, Lê Văn T, Lê Thanh T1 và Phạm Văn H, sinh năm 1996, trú tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh cùng nhau đi uống bia tại xã Khánh P, huyện Yên Khánh rồi về uống rượu tại phòng trọ. Sau đó, H say rượu nên ngủ tại đây. Lê Văn T và Lê Thanh T1 tiếp tục ngồi uống rượu. Quá trình uống rượu, T gọi điện thoại di động cho chị H nhưng chị H không nghe máy nên T tức giận, nảy sinh ý định đốt phòng trọ. Khoảng 00 giờ ngày 11/5/2018, T gọi Phạm Văn H dậy và đưa 200.000đồng bảo H đi mua xăng (T không nói và H không biết T mua xăng để làm gì). Lê Thanh T1 đưa chìa khóa xe mô tô Biển kiểm soát 35H4 – 1632 rồi H điều khiển xe đến trạm xăng ở thôn Đường 10, xã Khánh A, huyện Yên Khánh. Hải mua của anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1989, trú tại xóm 2 Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh (là nhân viên bán xăng) 01 vỏ bình nước loại 20 lít để đựng xăng rồi mua 200.000đồng tiền xăng đổ vào bình và quay về. H đi về đến gần phòng trọ thì gặp Lê Thanh T1. T1 nói H đừng đưa xăng cho T vì T định dùng xăng đốt phòng trọ. H đưa bình xăng cho T1 để giấu đi nhưng chưa kịp giấu thì Lê Văn T đi đến nói T1 đưa bình xăng vào nhà. Lúc này, T1 cầm bình xăng đi theo Lê Văn T vào phòng trọ còn Phạm Văn H đứng ở ngoài. Trong phòng trọ, T bảo T1 đổ xăng. T1 đã đổ xăng ra giường, nền phòng trọ và để bình nhựa ngay tại phòng trọ rồi T dùng bật lửa đốt. Khi lửa bùng cháy, T và T1 bị bỏng, chạy ra ngoài. Sau đó, Lê Văn T đi khỏi khu nhà trọ, Lê Thanh T1 chở Phạm Văn H về nhà H rồi T1 đi về nhà.

Khi thấy phòng trọ bị cháy, ông Lê Xuân Y cùng người dân đã chữa cháy và trình báo Công an huyện Yên Khánh. Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng theo quy định.

Các tài sản của gia đình ông Lê Xuân Y bị thiệt hại trực tiếp do bị lửa cháy gồm: 14 tấm ngói fibro xi măng, 03 xà gồ bằng luồng, 17m² trần nhựa và xốp cách nhiệt, 2,25m² lớp trát tường, 30m² lớp ni lông dán tường, 02 đui bóng điện, 02 bóng điện, 02 bộ ổ cắm liền công tắc (loại 01 ổ cắm, 01 công tắc), 02 đế âm tường, 01 cầu dao điện và 40m dây điện, 01 giường gỗ keo, 01 cánh cửa nhà vệ sinh bằng nhựa bị hư hỏng hoàn toàn; 50m² lớp trát tường và 17m² gạch lát sàn bị bám dính muội đen.

Các tài sản của gia đình ông Lê Xuân Y ở phòng bên cạnh bị hư hỏng do quá trình chữa cháy gây ra gồm: 8m² trần nhựa và 04 tấm ngói fibro xi măng loại (1,5 x 0,85) m.

Ngoài ra còn có 03 chiếc áo của chị Trịnh Thị H (không xác định được giá trị thiệt hại) và các tài sản khác của Lê Văn T để tại phòng trọ bị cháy hư hỏng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KLĐG ngày 26/6/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Khánh kết luận tổng trị giá các tài sản của gia đình ông Lê Xuân Y bị thiệt hại trực tiếp do Lê Văn T, Lê Thanh T1 hủy hoại là 6.978.061 đồng; các tài sản của gia đình ông Y bị thiệt hại do quá trình chữa cháy gây ra là 1.866.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 24/KLGD – PC54 – ChN ngày 24/5/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Điểm cháy xuất phát cháy: Tại vị trí góc giường phía Bắc, giáp tường phía Đông Bắc, cách tường phòng vệ sinh phía Đông Nam 1,5 mét, cách tường phía Tây Bắc 02 mét, cách mặt nền khoảng 40cm; Nguyên nhân gây cháy: Do tác động của con người gây ra; Mẫu sản phẩm cháy thu tại hành lang trước cửa phòng trọ có tìm thấy thành phần của hydrocacbon có trong nhiên liệu xăng, dầu khoáng.

Khi đốt phòng trọ, Lê Thanh T1 bị bỏng nhẹ, không phải điều trị tại cơ sở y tế; Lê Văn T bị bỏng phải điều trị tại Viện bỏng quốc gia Lê Hữu Trác đến ngày 16/5/2018 ra viện. Sau đó, T bỏ trốn đến ngày 21/10/2018 thì bị bắt theo Quyết định truy nã. Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với Lê Văn T nhưng T từ chối giám định.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Lê Văn T. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 442 ngày 25/12/2018, Viện pháp y tâm thần trung ương Bộ y tế kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Văn T có biểu hiện rối loạn cảm xúc không ổn định (Suy nhược) thực tồn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.6. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, Lê Văn T và Lê Thanh T1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và được ông Lê Xuân Y đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Lê Thanh T1 đã 02 lần bị kết án, đều chưa được xóa án tích. Trong đó, tại bản án số 27/2016/HSST ngày 16/8/2016, Lê Thanh T1 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thuộc trường hợp tái phạm.

Lê Văn T đã 02 lần bị kết án về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Cưỡng đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích (không thuộc trường hợp tái phạm).

Đối với Phạm Văn H, khi đi mua xăng H không biết mục đích của Lê Văn T là dùng xăng đốt phòng trọ. Đến 06 giờ ngày 11/5/2018, cơ quan điều tra lấy lời khai, H đã khai báo về hành vi đốt phòng trọ của T và T1. Do vậy, cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh không xử lý đối với Phạm Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn T và Lê Thanh T1 đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Lê Xuân Y tổng số tiền 3.000.000 đồng (trong

đó T bồi thường 2.000.000 đồng, T1 bồi thường 1.000.000 đồng). Ông Lê Xuân Y và chị Trịnh Thị H đều không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Về thu giữ vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh đã thu giữ tại phòng trọ 01 khung giường gỗ keo và 03 chiếc áo đã bị cháy hỏng; thu giữ các tài sản của Lê Văn T để tại phòng trọ; thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Sunlux Biển kiểm soát 35H4 – 1632 và đăng ký của xe.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho ông Lê Xuân Y chiếc khung giường gỗ keo, trả cho chị Trịnh Thị H 03 chiếc áo, trả cho Lê Văn T các tài sản T để tại phòng trọ đã thu giữ. Vật chứng còn lại là chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35H4 – 1632 cùng đăng ký của xe (thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Lê Văn T) chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh quản lý.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSYK ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C) ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội: “Hủy hoại tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Thanh T1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội: “Hủy hoại tài sản” theo điểm d, g khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác Lê Văn C), Lê Thanh T1 phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C).

- Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thanh T1.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C), Lê Thanh T1 với mức án từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam các bị cáo

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Lê Văn T 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35H4 -1632 cùng đăng ký của xe, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Lê Văn T. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Ông Lê Xuân Y và chị Trịnh Thị H là người bị hại có mặt tại phiên tòa đều xác định bị thiệt hại về các loại tài sản như các bị cáo khai là đúng và đã nhận lại tài sản cũng như việc thỏa thuận bồi thường xong về bồi thường dân sự với các bị cáo, người bị hại không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Anh Phạm Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa song tại cơ quan điều tra đã có lời khai, xác định sự việc như bị cáo đã khai và không có ý kiến hay yêu cầu đề nghị gì. Những người làm chứng đều vắng mặt, song tại cơ quan điều tra đã có lời khai, xác định sự việc là đúng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa trình bày: Bị cáo T tuy là người thể hiện có nhược điểm, nhưng vẫn nhận thức được về hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật, sau khi sự việc xảy ra bị cáo rất ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác bị cáo T bị khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế được chính quyền xác nhận, hiện tại vợ bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ lại không có công ăn việc làm ổn định, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội khi đang có tiền án nên bị cáo có tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Ninh Thị Hà, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước cử để bào chữa cho bị cáo T xin vắng và đã gửi bào chữa với đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T, để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được hưởng mức án thấp nhất theo quy định.

Chị Nguyễn Kim A là người đại diện hợp pháp cho bị cáo T nhất trí với lời khai của bị cáo, nhất trí với ý kiến của người bào chữa và không có bổ sung gì

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, bổ sung gì, không có ý kiến tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật nên xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sửa chữa đối với bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T và Lê Thanh T1 đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố. Các bị cáo khai nhận:

Vào tối ngày 10/5/2018, Lê Văn T, Lê Thanh T1 và Phạm Văn H, trú tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh cùng nhau đi uống bia tại xã Khánh P, huyện Yên Khánh rồi về phòng trọ mà bị cáo T và chị H đã thuê trước đó của ông Lê Xuân Y ở xã Khánh P, tiếp tục uống rượu. Do H say rượu nên lên giường nằm ngủ trước. Bị cáo T và T1 tiếp tục ngồi uống rượu. Sau đó T gọi điện thoại cho chị H nhưng không thấy chị H nghe máy nên T tức giận và nảy sinh ý định đốt phòng trọ, lúc đó khoảng 00 giờ ngày 11/5/2018, T gọi H dậy đưa 200.000 đồng và bảo H đi mua xăng, H không biết T mua xăng để làm gì nhưng ngay lúc đó T1 đưa chìa khóa xe mô tô Biển kiểm soát 35H4 -1632 cho H, xe mô tô này là xe của T, do T1 đã mượn của T để đi lại trước đó, H điều khiển xe đến trạm xăng ở thôn Đường 10, xã Khánh A, huyện Yên Khánh. H mua của anh Nguyễn Tuấn K, là nhân viên bán xăng của cửa hàng 01 vỏ bình nước loại 20 lít để đựng xăng rồi mua 200.000 đồng tiền xăng đổ vào bình và H quay về, khi về đến gần phòng trọ thì gặp T1. T1 nói H đừng đưa xăng cho T vì T định dùng xăng đốt phòng trọ, H đưa bình xăng cho T1 để giấu đi

nhưng ngay lúc đó T đi đến và nói T1 đưa bình xăng vào nhà, T1 cầm bình xăng đi theo T vào phòng trọ còn H đứng ở ngoài. Vào phòng trọ, T bảo T1 đổ xăng. T1 đã đổ xăng ra giường, nền phòng trọ và để bình nhựa ngay tại phòng trọ rồi T dùng bật lửa đốt. Khi lửa bùng cháy, T và T1 bị bỏng, chạy ra ngoài. Sau đó T đi khỏi nhà trọ, còn T1 chở H về nhà H rồi T1 đi về nhà. T đã bỏ trốn và đi điều trị bỏng tại Viện quốc gia ở Hà Nội và bị Cơ quan điều tra truy nã. Tài sản bị thiệt hại trực tiếp là 6.978.061 đồng và thiệt hại trong quá trình chữa cháy gây ra là 1.866.000 đồng.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận định giá tài sản, kết luận giám định và vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Lê Văn T, Lê Thanh T1 đã dùng xăng là chất nguy hiểm về cháy để đốt phòng trọ nên đã phạm vào tội hủy hoại tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 178. Bị cáo T1 phạm tội khi đang có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản và đã thuộc trường hợp tái phạm, nên phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm đây là tình tiết định khung hình phạt mà T1 phải chịu theo điểm g khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo, mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Trong vụ án này đối với bị cáo T là người chủ động về việc đốt phòng trọ và bỏ tiền ra để mua xăng, còn T1 là người không có ý định đốt phòng trọ, song khi biết T có ý định đốt phòng trọ ban đầu bị cáo có ý định ngăn cản nhưng sau đó thì bị cáo lại trực tiếp cầm bình xăng đổ vào các tài sản trong phòng trọ, để cho T bật lửa đốt, sau đó cả hai bị cáo bỏ mặc cho hậu quả xảy ra, nên về trách nhiệm hình sự của T và T1 phải chịu như nhau là phù hợp với hành vi của mỗi bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo T đã thực hiện hành vi phạm tội khi đang có một tiền án về tội cưỡng đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mặt khác bị cáo T bị khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế được chính quyền xác nhận, hiện tại vợ bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ lại không có công ăn việc làm ổn định, nên bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, mà người bào chữa cho bị cáo T đề nghị là có căn cứ nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo T1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo T, T1 đều có nhân thân xấu, hiện bị cáo T đang có một tiền án, bị cáo T1 có hai tiền án về tội sở hữu và T có án tích đã được xóa.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cả hai bị cáo về lần phạm tội này là tái phạm, tái phạm nguy hiểm do vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung xét thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự là phù hợp với Pháp luật.

Đối với Phạm Văn H, khi đi mua xăng H không biết mục đích của T là dùng xăng đốt phòng trọ. Đến 06 giờ ngày 11/5/2018, cơ quan điều tra lấy lời khai, H đã khai báo về hành vi đốt phòng trọ của T và T1. Do vậy, cơ quan điều tra Công an huyện Yên Khánh không xử lý đối với Phạm Văn H là phù hợp.

Trong vụ án này đối với bị cáo Lê Văn T vào thời điểm tháng 10/2016, T bị tai nạn, bị vỡ các xương hàm mặt 2 bên và khoét bỏ nhãn cầu trái, nên đã được cơ quan điều tra trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Tại bản kết luận số 442/KLGD ngày 25/12/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Lê Văn T có biểu hiện rối loạn cảm xúc không ổn định (Suy nhược) thực tổn. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F06.6. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã ra quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát huyện Yên Khánh để điều tra bổ sung về việc chỉ định người bào chữa cho bị can T theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi trả hồ sơ, Viện kiểm sát huyện Yên Khánh, đã làm việc với Viện phó Viện tâm thần Trung ương có ý kiến: Căn cứ vào kết luận nêu trên thì bị can không bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không bị nhược điểm về tâm thần. Do vậy Viện kiểm sát có văn bản giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn T và chuyển lại hồ sơ để xét xử. Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án thụ lý và tiến hành chỉ định người bào chữa và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và T1 đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho gia đình ông Lê Xuân Y tổng số tiền 3.000.000 đồng (trong đó T bồi thường 2.000.000 đồng, T1 bồi thường 1.000.000 đồng). Ông Lê Xuân Y và chị Trịnh Thị H đều không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng: Sau khi thu giữ Cơ quan điều tra đã trả cho ông Lê Xuân Y chiếc khung giường gỗ keo, trả cho chị Trịnh Thị H 03 chiếc áo, trả cho Lê Văn T các tài sản T để tại phòng trọ đã thu giữ. Vật chứng còn lại là chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35H4 - 1632 cùng đăng ký của xe, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo T, do trước đó T1 đã mượn xe này để đi lại, sau đó T1 lại tự mình đưa chìa khóa xe này cho H đi mua xăng là ngoài ý chí của T nên cần trả lại chiếc xe mô tô này cho Lê Văn T là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án song bị cáo thuộc trường hợp là người khuyết tật nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T1 là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo, Người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo T; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác Lê Văn C), Lê Thanh T1 phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C).

- Căn cứ điểm d, g khoản 2 Điều 178; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thanh T1. Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác Lê Văn C) 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo (ngày 21 tháng 10 năm 2018).

+ Bị cáo Lê Thanh T1 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo (ngày 07 tháng 8 năm 2018).

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho Lê Văn T 01 chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 35H4 – 1632 cùng đăng ký của xe, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Lê Văn T. Nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Số vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2019 giữa Công an huyện Yên Khánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thanh T1 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Bị cáo Lê Văn T (Lê Văn C) được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm thuộc trường hợp người có khuyết tật.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, Người đại diện hợp pháp, Người bào chữa; Người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Người bào chữa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Bị cáo; bị hại, người bào chữa ,
- Người đại diện HP, người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung.